

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/DS-ST
Ngày 29 - 11 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nữ Ước;

Bà H' Bliăk Niê.

- Thư ký phiên tòa: Đỗ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXXST- DS ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phi H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số nhà 54 đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số nhà 159 đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

(Có mặt).

- Bị đơn: Ông Y Kh Buôn Dap (Y'Kh - Buôn Dap), sinh năm 1965; bà H B Knul (H'B - Knul), sinh năm 1968 và anh Y RL Knul (Y'RL – Knul), sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Buôn E, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Tất cả đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 6 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là ông Nguyễn Phi H và người đại diện của nguyên đơn là ông Nguyễn Đức D trình bày:

Do có quan hệ quen biết với nhau, nên ngày 31/8/2018 ông Nguyễn Phi H có cho anh Y RL Knul và bố mẹ của anh Y RL Knul là ông Y Kh Buôn Dap và bà H B Knul vay với số tiền là 303.000.000 đồng (Ba trăm lẻ ba triệu đồng), khi vay thì gia đình anh Y RL Knul nói là dùng để đáo hạn cho khoản vay của gia đình tại Ngân hàng đến hạn. Thời hạn vay là 10 ngày (từ ngày 31/8/2018 đến ngày 10/9/2018), lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ thì khi vay tiền anh Y RL Knul, ông Y Kh Buôn Dap và bà H B Knul có giao cho ông H ba Giấy chứng minh nhân dân của anh Y RL Knul, ông Y Kh Buôn Dap và bà H B Knul, một sổ hộ khẩu và một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng số BN 081947 được UBND huyện K cấp ngày 24/9/2015 mang tên ông Y G Knul, xác nhận tặng cho anh Y RL Knul ngày 13/10/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K tại trang số 4 (tất cả đều là bản gốc), thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của bên vay để làm tin và làm căn cứ đòi nợ. Đến hạn trả nợ, ông H đã nhiều lần thông báo qua điện thoại cũng như gặp trực tiếp để đòi nợ nhưng gia đình anh Y RL Knul lại luôn tìm cách tránh né, chây lỳ không chịu trả nợ cho ông H theo đúng cam kết. Từ thời điểm vay tiền đến nay, anh Y RL Knul, ông Y Kh Buôn Dap và bà H B Knul chưa trả cho ông H được bất kỳ khoản tiền gốc hay tiền lãi nào. Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Y RL Knul, ông Y Kh Buôn Dap và bà H B Knul phải trả cho Nguyễn Phi H số tiền nợ gốc là 303.000.000 đồng (Ba trăm lẻ ba triệu đồng) và lãi suất theo quy định pháp luật (20%/năm), kể từ ngày 31/8/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Y Kh Buôn Dap và bà H B Knul trình bày:

Ngày 31/8/2018 ông Y Kh Buôn Dap và bà H B Knul và con trai mình là anh Y RL Knul có vào ký hợp đồng vay tiền do ông H đánh may sẵn, còn các nội dung viết bằng tay là do ông Y Kh Buôn Dap viết. Theo đó thì ông Y Kh Buôn Dap và bà H B Knul và anh Y RL Knul vay của ông Nguyễn Phi H với số tiền gốc là 303.000.000 đồng thời hạn vay là 10 ngày (từ ngày 31/8 đến ngày 10/9/2018), lãi suất vay là 2%/tháng, nhưng thực tế ông Y Kh Buôn Dap, bà H B Knul và anh Y RL Knul chỉ vay của ông H hai lần tiền với số tiền gốc là 150.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất không nhớ rõ thời gian ông Y Kh Buôn Dap và bà H B Knul và anh Y RL Knul vay của ông H 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 5.000 đồng/01triệu/01 ngày, không có lập văn bản giấy tờ gì, để làm tin bị

đơn có đưa cho ông H ba Giấy chứng minh nhân dân của anh Y RL Knul, ông Y Kh Buôn Dap và bà H B Knul, một sổ hộ khẩu và một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng số BN 081947 được UBND huyện K cấp ngày 24/9/2015 mang tên ông Y G Knul, xác nhận tặng cho anh Y RL Knul ngày 13/10/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K tại trang số 4 (tất cả đều là bản gốc), sau đó vợ chồng Y Kh Buôn Dap đã trả được cho ông H 22.000.000 đồng tiền lãi nhưng không lập văn bản hay giấy tờ gì.

- Lần thứ hai không nhớ rõ ngày tháng, ông H mang tiền đến nhà cho vợ chồng ông Y Kh Buôn Dap và bà H B Knul vay tiếp 50.000.000 đồng, lãi suất cũng thỏa thuận bằng lời nói là 5.000 đồng/01triệu/01ngày và cũng trong ngày hôm đó vợ chồng ông Y Kh Buôn Dap và bà H B Knul trả cho ông H 7.500.000 đồng tiền lãi, vợ chồng ông Y Kh Buôn Dap có làm giấy viết tay xác nhận nợ đưa cho ông H. Hiện nay giấy đó đang do ông H giữ.

Nay ông H yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 303.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật thì bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn 150.000.000 đồng tiền gốc và 50.000.000 triệu đồng tiền lãi.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Y RL Knul trình bày:

Qua sự giới thiệu của người khác nên anh Y RL Knul có đứng ra vay hộ cho bố mẹ mình là ông Y Kh Buôn Dap và bà H B Knul của ông H số tiền gốc 100.000.000 triệu đồng, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 5.000 đồng/01triệu/01ngày để đáo hạn ngân hàng. Để làm tin bị đơn có đưa cho ông H ba Giấy chứng minh nhân dân của anh Y RL Knul, ông Y Kh Buôn Dap và bà H B Knul, một sổ hộ khẩu và một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất số BN 081947 được UBND huyện K cấp ngày 24/9/2015 mang tên ông Y G Knul, xác nhận tặng cho anh Y RL Knul ngày 13/10/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K tại trang số 4 (tất cả đều là bản gốc). Sau đó, ông Y Kh Buôn Dap và bà H B Knul đã trả được cho ông H 15.000.000 đồng tiền lãi, nhưng cả khi vay và khi trả hai bên không có làm văn bản hoặc giấy tờ gì. Tiếp đó, lần thứ hai ông H cầm 50.000.000 đồng đến nhà cho ông Y Kh Buôn Dap và bà H B Knul vay tiếp, số tiền này anh Y RL Knul không trực tiếp vay mà chỉ nghe ông Y Kh Buôn Dap và bà H B Knul nói lại. Sau đó, ông H đưa giấy vay tiền ngày 31/8/2018 do ông H đánh máy sẵn cho ông Y Kh Buôn Dap viết các nội dung bằng chữ viết tay rồi cùng anh Y RL Knul và bà H B Knul ký xác nhận vào giấy vay tiền đó. Nay anh Y RL Knul xác nhận anh và bố mẹ của mình chỉ vay của ông H số tiền gốc là 150.000.000 đồng

nên anh không chấp nhận với yêu cầu của nguyên đơn mà chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 150.000.000 đồng và 50.000.000 đồng tiền lãi.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70,72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Y RL Knul, ông Y Khuân Buôn Dap và bà H B Knul có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 303.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 302.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật nên đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại buôn E, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Bị đơn anh Y RL Knul, ông Y Kh Buôn Dap và bà H B Knul đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về tiền gốc: Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền ngày 31/8/2018 do nguyên đơn cung cấp, thể hiện vào 31/8/2018 nguyên đơn cho các bị đơn vay số tiền gốc là 303.000.000 đồng, lãi suất vay thỏa thuận là 2%/ tháng, thời hạn trả nợ chậm nhất đến ngày 10/9/2018. Tuy nhiên, khi đến hạn các nguyên đơn không trả được cho nguyên đơn số tiền nào là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay gốc 303.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các bị đơn cho rằng chỉ vay của nguyên đơn hai lần với số tiền gốc 150.000.000 triệu đồng, lãi suất là 5000 đồng/01triệu/ngày và đã trả được cho nguyên đơn 03 lần tiền lãi là 29.500.000 đồng nhưng không được nguyên đơn thừa nhận và cũng không xuất trình được bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của bị đơn.

[3] Về tiền lãi: Tại thời điểm vay nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận lãi suất vay 2%/ tháng tương đương 24%/ năm là vượt quá mức lãi suất cho phép quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật là không vượt quá 20%/năm. Do đó, Hội đồng xét

xử áp dụng khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm để xác định số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn như sau:

- Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả từ ngày 31/8/2018 đến ngày 10/9/2018 = $[303.000.000 \text{ đồng} \times (20\% : 365 \text{ ngày}) \times 10 \text{ ngày}] = 1.660.000 \text{ đồng}$;

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả từ ngày 11/9/2018 đến ngày 29/11/2019 = $[1.660.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm} + 1.660.000 \text{ đồng} \times (10\% : 12 \text{ tháng}) \times 02 \text{ tháng} + 1.660.000 \text{ đồng} \times (10\% : 365 \text{ ngày}) \times 18 \text{ ngày}] = 202.000 \text{ đồng}$.

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả từ ngày 11/9/2018 đến ngày 29/11/2019 = $[303.000.000 \text{ đồng} \times 30\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm} + 303.000.000 \text{ đồng} \times (30\% : 12 \text{ tháng}) \times 02 \text{ tháng} + 303.000.000 \text{ đồng} \times (30\% : 365 \text{ ngày}) \times 18 \text{ ngày}] = 110.533.000 \text{ đồng}$.

- Tổng số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 112.395.000 đồng.

[4] Vì vậy, cần buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số tiền gốc và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 303.000.000 đồng + 112.395.00 đồng = 415.395.000 đồng.

[5] Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận khi vay tiền của nguyên đơn, bị đơn có đưa cho nguyên đơn 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; một Sổ hộ khẩu gia đình và ba Giấy chứng minh nhân dân để bảo đảm cho việc trả nợ, hiện nay nguyên đơn vẫn đang còn giữ các giấy tờ trên của bị đơn. Tuy nhiên, đối với Sổ hộ khẩu gia đình và ba Giấy chứng minh nhân dân là các Giấy tờ liên quan đến quyền nhân thân không phải giấy tờ về quyền tài sản nên không phải là đối tượng để cầm cố hoặc thế chấp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ về tài sản, còn đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các bên không lập hợp đồng thế chấp và cũng không đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ xử lý theo trình tự, thủ tục thi hành án dân sự để thu hồi nợ cho nguyên đơn mà cần buộc nguyên đơn phải trả cho bị đơn các giấy tờ nêu trên là phù hợp.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do các bị đơn đều là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng: Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phi H.

- Buộc ông Y Kh Buôn Dap, bà H B Knul và anh Y RL Knul có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Phi H số tiền là 415.395.000đ (Bốn trăm mười lăm triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng), gồm 303.000.000 tiền gốc và 112.395.000 đồng tiền lãi.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Ông Nguyễn Phi H có nghĩa vụ trả cho ông Y Kh Buôn Dap, bà H B Knul và anh Y RL Knul các giấy tờ sau: ba Giấy chứng minh nhân dân mang tên Y Kh Buôn Dap, H B Knul, Y RL Knul; một Sổ hộ khẩu gia đình số 160056399 chủ hộ là ông Y Kh Buôn Dap; một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng số BN 081947 được UBND huyện K cấp ngày 24/9/2015 mang tên ông Y G Knul, xác nhận tặng cho anh Y RL Knul ngày 13/10/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K tại trang số 4 (tất cả đều là bản gốc).

- Về án phí: Ông Y Kh Buôn Dap, bà H B Knul và anh Y RL Knul được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Phi H không phải chịu án phí, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.575.000đ (Bảy triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai nộp tạm ứng án phí số AA/2017/0014631 ngày 16/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi Cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quốc Định